

DẠNG THỨC CHUYỂN HÓA LỜI VĂN THÀNH LỜI NÓI TRONG *TRUYỆN KIỀU* CỦA NGUYỄN DU

Nhận bài:

29 – 12 – 2015

Chấp nhận đăng:

15 – 03 – 2016

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Nguyễn Khắc Sính

Tóm tắt: Nguyên tắc tạo văn bản văn chương là chuyển từ lời nói (thông báo, giao tiếp hàng ngày) vào trong tác phẩm thành lời văn. Việc chuyển hóa này vốn đã rất khó vì phải lệ thuộc nhiều yếu tố. Nhưng khi đã tạo lập được lời văn rồi, khát khao của nhà văn là làm sao lời văn được trở thành lời nói (ở cấp độ cao) để nó dễ dàng hòa nhập vào giao tiếp thường ngày của con người, song rất hiếm nhà văn làm được điều ấy. Nếu mượn mô thức Nhận thức luận trong quan niệm của V.Lénin thì nó sẽ là chu trình: lời văn - lời nói - lời nói bậc cao. Vậy mà Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* lại chuyển hóa được hàng loạt lời văn sang lời nói ở cấp độ cao. Điều đó chứng tỏ tài năng đặc biệt của Nguyễn Du không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới.

Từ khóa: Nguyễn Du; *Truyện Kiều*; lời nói; lời văn; ngôn ngữ

1. Đặt vấn đề

Là loại hình nghệ thuật ngôn từ, tác phẩm văn chương đòi hỏi nhà văn phải làm cho lời nói trở thành *nghệ thuật*, có nghĩa phải chuyển hóa từ *lời nói* (lời thông báo, giao tiếp) thành *lời văn* (lời được chọn lọc, cấu tạo tinh vi, mang dấu ấn riêng tác giả) trong tác phẩm. Quá trình chuyển hóa này cực kỳ phức tạp nhưng đó cũng là quá trình thể hiện trình độ của nhà văn. *Lời văn* trong tác phẩm văn chương khác *lời nói* mà nét bản chất nhất của nó là: *lời nói phải được đặt trong ngữ cảnh mới hiểu được còn lời văn có thể thoát ra khỏi ngữ cảnh, tồn tại độc lập ngoài ngữ cảnh [xin xem thêm 6]*. Nhưng khi trở thành *lời văn* rồi, nghệ sĩ nào cũng muốn một số lời văn của mình được trở thành *lời nói* khiến lời văn ấy được phổ biến, hòa vào lời giao tiếp một cách tự nhiên nơi công chúng. Nó là một vòng tròn (*lời nói - lời văn - lời nói*), tưởng như lặp lại nhưng đó là sự lặp lại ở cấp độ cao hơn, tương tự mô hình “*vòng xoay ốc*” trong “*nhận thức luận*” của V.I. Lenin (từ *trực quan* sinh động đến *tư duy* trừu tượng rồi lại trở về *thực tiễn*).

Điều này cực khó, đến mức nhiều nhà văn suốt cả đời văn của mình không để lại được *lời nói* nào. Hiếm lắm chúng ta mới gặp được một số *lời nói* kiểu thế. Có thể kể đến Phuxich: “Hỡi loài người hãy cảnh giác” (trong *Viết dưới giá treo cổ*), Vũ Trọng Phụng: “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi” (trong *Số đỏ*), Nam Cao: “Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại” (trong *Lão Hạc*), ... Thế mới thấy Nguyễn Du vĩ đại biết bao khi ông đã biến hàng loạt *lời văn* trong *Truyện Kiều* thành *lời nói* (hiểu theo nghĩa của cấp độ trên), có nghĩa là ở mọi lớp người, mọi thời đại, trong mọi hoàn cảnh, mọi không gian, ... người ta có thể *vận* lời văn *Truyện Kiều* thành *lời nói* một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn, hoàn toàn hợp lý vào trong *ngữ cảnh giao tiếp cụ thể* của họ (tựa như ta “xen” tục ngữ, thành ngữ trong lúc nói chuyện). Kim Thánh Thán, nhà phê bình thời xưa của Trung Quốc, chia ra hai loại trình độ làm văn: “*văn thợ người*” (kiểu văn *Tỳ bà ký*) và “*văn thợ trời*” (kiểu văn *Tây sương ký*). Để được coi là “*văn thợ trời*” thì văn của tác phẩm ấy phải tự nhiên như hơi thở, như sự sống, như “*cây đời*”, nó lặn vào lời ăn tiếng nói hàng ngày của mọi con người, lúc ấy không thấy “*mùi tay*”, “*dấu vân tay*” của tác giả nữa. So sánh dĩ nhiên là khập khiễng, nhưng chúng tôi cho rằng, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du thuộc loại “*văn thợ trời*” theo quan niệm của Kim Thánh

* Liên hệ tác giả

Nguyễn Khắc Sính

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: khacsinh50@gmail.com

Thán. Đó cũng là nguyên nhân khiến sự chuyển hóa *lời văn* thành *lời nói* thành công tuyệt đối của *Truyện Kiều*.

2. Nội dung nghiên cứu

Có thể nhận ra bóng dáng của sự chuyển hóa *lời văn* sang *lời nói* ở cấp độ cao (ở bài viết này chúng tôi dùng ký hiệu: *lời nói*) trong *Truyện Kiều* qua các dạng thức sau¹.

2.1. Lời văn thành lời nói trong hoàn cảnh giao tiếp thường nhật

Dạng giao tiếp này phổ biến trong tục ngữ, thành ngữ, ca dao. Ở đó trong chuỗi thoại, người nói thường “chêm/ xen” vào một câu tục ngữ hay ca dao để *lời nói* thêm uyển chuyển, mềm mại, có duyên. Chẳng hạn: “Mời ông (bà) dùng tạm bữa cơm nhạt với chúng tôi, cũng chả có gì, chỉ *đầu mâm đĩa muối cuối mâm đĩa dưa* thôi ạ”; hay: “Thôi, chuyện không lớn, mình cũng nên *chín bỏ làm mười* anh (chị) ạ”; hoặc: “Thằng ấy sượng thật, thoát cái đã lên Vụ trưởng rồi!/ Chuyện, *con vua thì lại làm vua* mà!”,... *Lời nói* kiểu này phổ biến trên cửa miệng con người, nhưng đó là Văn học dân gian (văn học *nói*). Trong *Truyện Kiều* đây áp dụng *lời nói* như thế. Phải chăng *lời văn* trong tác phẩm này đạt đến “đẳng cấp” ca dao, tục ngữ (tức được nhuần sắc qua nhiều người, nhiều đời, trở thành *tinh chất*)? Còn *Truyện Kiều* của Nguyễn Du thuộc về văn học viết (của riêng một người). Cổ thi sĩ Xuân Diệu từng khuyên: thiết tưởng muốn làm thơ khá phải làm được ca dao khá là muốn đề cập đến dạng *lời nói* này trong thơ chăng?

Có thể thống kê một số *lời nói* tiêu biểu:

- Ba anh bạn được về nghỉ Tết hơn một tuần, gần đến ngày trở lại công sở, ngồi uống với nhau một cốc,

mãi không được việc làm, cháu theo bạn sang Thái Lan bán hàng rong. Mới sang cháu không đủ tiền về Tết, phải ở lại bên ấy. Quả tình cảnh cháu lúc này đúng như câu *Kiều* của Nguyễn Du!

- Một chị bán hoa quả ở chợ đang mắng xoi xoi chị mua nhãn: “Góm, có mấy quả nhãn mà cứ *Cò kè bớt một thêm hai* mãi” (96). Người mua cũng không kém, làm bầm: loại người “*Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham*”! (82)!

- Một lần đang đi dạo chợt nghe *lời* cậu con trai đang rúc rích với bạn gái: “Tí thôi mà. *Ngoài da* (ra) *ai có tiếc gì với ai* (72)”!

- Ông anh tôi vốn cũng rất say *Truyện Kiều*, nhưng anh có gần 40 năm quân ngũ, nay trở lại đời thường chưa hòa nhập được. Một lần thấy anh vui, tôi hỏi, anh đáp rầu rầu: “*Vui là vui gương kéo là* (136) *đấy chú ơi*”!

- Rất nhiều người bạn lâu ngày gặp lại đều hỏi thăm tôi dạo này sống thế nào, tôi cũng thuận miệng trả lời: “Về hưu rồi, giờ cũng *May thuê, viết mướn, kiếm ăn lần hồi* (264) nhì nhằng vậy thôi”.

Còn nhiều lắm câu *Kiều* được đưa vào trong chuỗi *lời* thoại một cách tự nhiên, nó “*lấn*” vào *lời* nói thông thường đến mức không cần tách ra. Có thể kể đến: *Ràng quen mắt nét đi rồi* (74) để đưa đẩy với ai đấy; *Cũng liều nhắm mắt đưa chân* (126) khi quyết định làm việc gì đó; *Ở đây âm khí nặng nề* (42), *Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ* (136) khi nói về một tình cảnh mà ở đó người ta im lặng, giữ kẽ nhau; *Ở đây tai vách mạch rừng* (180) là muốn nhắc nhở phải cảnh giác; *Thông minh vốn sẵn tính trời* (36), *Anh hoa phát tiết ra ngoài* (68), *Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười* (34), *Thì*

¹Tên gọi các mục trong bài do tác giả đặt

một người thốt lên: “Chóng thế! *Ngày vui ngắn chẳng tày gang* (68)² mới đó mà phải đi rồi”. Người khác trầm ngâm: Thôi, mình làm với nhau một ly, *Chén đưa nhớ buổi hôm nay* (160) vậy”!

- Bạn tôi có đứa cháu bà con bên ngoại điện thoại về chúc Tết, anh điện lại chúc cháu khỏe, vui. Bỗng nghe giọng cháu buồn buồn: “Dạ, vui gì đâu ạ, *Nắng mưa thui thui que người một thân* mà cậu!”. Thì ra xin

²Từ đây về sau những câu trích để trong ngoặc đơn () là lấy trong TÀI LIỆU THAM KHẢO số 2.

treo giải nhất chi nhường cho ai (50) để khen người nào, việc nào đó (cả thật và đùa); *Thấy người nằm đó biết sau thế nào* (42) để cảnh tỉnh một thực trạng; *Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!* (114) để cất lên tiếng kêu về chuyện buôn bán thua lỗ; *Người còn thì của hãy còn* (118) để an ủi ai đó bị mất một tài sản lớn, ... Hoặc có khi là buông *lời* lửng lơ: *Người đâu gặp gỡ làm chi* (48), *Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa* (42), *Ngẫm*

hay muôn sự tại trời (304), *Chữ tài liền với chữ tai một vần* (304), *Thiện căn ở tại lòng ta* (304), ... trong một ngữ cảnh phù hợp.

2.2. Lời văn thành lời nói trong giao tiếp hài hước, giễu nhại

Đây cũng là kiểu dạng lời nói giao tiếp thông thường nhưng nằm trong bối cảnh có tính hài hước hay mỉa mai. Ở hoàn cảnh đó, đọc một câu *Kiều* đúng lúc trong phạm vi giao tiếp nhỏ hẹp, người nghe sẽ bật lên tiếng cười. Chẳng hạn, khi biết người bạn mình đang bị bệnh kiết lỵ nên vắng mặt trong cuộc vui, ai đó miêu tả: “Tôi nghiệp hần, nhìn cảnh hần *Khi tựa gối, khi cúi đầu/ Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày* (74) mà thương!”, hoặc “Trông cảnh hần *Dùng dằng khi bước chân ra/ Cực trăm nghìn nỗi, dạn (rạn) ba bốn lần* (264) mà cười nôn ruột!”. Ông Nguyễn Khắc Dương, nguyên Chủ nhiệm Khoa Triết Chủng viện Đà Lạt, năm 1983 đến thăm gia đình, có lần ra khỏi phòng vệ sinh anh tùm tùm cười (rất hóm) với vợ chồng tôi: “*Tám thân rày đã nhe nhàng*” (224), thật chính xác và hợp cảnh! Còn rất nhiều những câu *Kiều* được vận dụng trong lời nói trào tiếu ở các ngữ cảnh khác nhau: “*Hổ*” sinh ra phận thơ đào (tr.106, đó nhau ai sinh ra Thúy Kiều?), *Sè sè nắm đất bên đường* (tr.38, đó nhau cô gái đang làm gì?), *Thất kinh* nàng *chửa biết là làm sao* (tr.170, đó nhau Kiều có thai lần nào chưa?),... Cũng có khi, lời nói kiểu này nhưng được dùng cho hoàn cảnh giao tiếp mỉa mai, châm biếm. Đang kể chuyện với nhau về người thứ ba mà cả hai đều biết, người kể chỉ cần tóm trong một câu *Lạ cho mặt sắt cũng gãy vì tình* (248) là đã hiện lên mồn một “trạng thái” tình cảm của hần! Tôi cũng đã nghe người bạn thân nói về người yêu cũ của anh nay đã lấy chồng nhưng không hạnh phúc, khi anh chép miệng: “Tôi, cô ấy không may gặp cảnh *Phẩm tiên rơi đến tay hèn* (98) mà!”. Khi các bà các chị “nhận định” về một ai đó, họ cũng dùng *Kiều* để khái quát: “Cẩn thận nhá. Con ấy *Bề ngoài thon thót nói cười/ Mà trong nham hiểm giết người không dao* (184) đấy!”. Thế là đủ. Hoặc khi nói về một đối tượng nào đấy nhờ giàu có mà thành đạt, họ nói: “*Đễ ợt. Trong tay đã sẵn đồng tiền/ Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì* (90)”. Nếu có kẻ nào đó làm

khó dễ người khác, họ cũng “đọc” được bản chất thật của hần qua câu *Kiều*: “*Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền*” (82), hoặc giúp đỡ ai đó nhưng thật ra là làm “cò” thì nói: “*Có ba mươi lạng trao tay/ Không dung chi có chuyện này trò kia* (130)”, ... Trong *Truyện Kiều* có vô số lời văn có thể chuyển thành lời nói như thế.

2.3. Lời văn thành lời nói trong giao tiếp trang trọng

Trong giao tiếp hàng ngày có một phần lời nói xuất hiện trong bối cảnh quan trọng, cần phải cân nhắc thận trọng sao cho vừa đúng mực quan hệ vừa văn hóa, xứng đáng “phương diện quốc gia”, đó là bối cảnh giao tiếp ngoại giao. Các lời trao đổi trong bối cảnh này yêu cầu thân mật nhưng không xuề xòa, giữ ý nhưng không khách sáo, chân thành nhưng không dễ dãi... Bối cảnh ấy rất phù hợp với việc vận dụng những lời nói có chêm xen vào những câu nói văn chương hoặc danh ngôn của danh nhân. Chính những lời nói kiểu ấy xuất hiện đúng lúc chẳng những làm không khí giao tiếp thêm vui vẻ, sang trọng mà còn tôn vinh vị thế người nói, thậm chí là vị thế văn hóa của một quốc gia, dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khi sang thăm Ấn Độ, gặp Thủ tướng Ấn Độ đón ở sân bay, Bác đã ôm hôn và “nói” câu *Kiều* không thể có nơi nào, lúc nào phù hợp hơn, có ý nghĩa hơn:

Đến bây giờ mới thấy đây/ Mà lòng đã chắc những ngày một hai (224).

Lời nói này của Bác chẳng những nổi tiếng lúc bấy giờ mà còn trở thành mẫu mực ngoại giao truyền lại đến tận bây giờ! Cũng ở bối cảnh trang trọng của Đại hội Đảng Lao động Việt Nam khóa III (1960), trong bài nói của mình, Bác Hồ đã “cải biên” một chút câu *Kiều*: “Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao/ Ba mươi (Mười lăm) năm ấy biết bao nhiêu tình (288)...”!

Nhà văn Nguyễn Khắc Phê thai nghén và nghiền ngẫm 20 năm để viết cuốn tiểu thuyết “*đề đời*” trong sự nghiệp văn chương của mình (ông đã có 14 tác phẩm chính trước đó): tiểu thuyết *Biết đâu địa ngục thiên đường* miêu tả hành trình của cậu tú Tâm (cũng là hành trình của người trí thức nói chung) đi tìm chân lý. Nhan đề trên của cuốn tiểu thuyết xuất phát từ lời bà mẹ Tâm thốt lên đau đớn khi cậu tú bỏ nhà, bỏ người vợ sắp cưới, bỏ cảnh sống nhà quan đi tu. Nguyễn Khắc Phê viết: “Ngày anh nhất quyết đi tu, dù biết chẳng thể nú

giữ, đôi tay mẹ vẫn vươn ra và tiếng kêu thất ruột thốt lên: “Con ơi, *biết đâu địa ngục thiên đường là đâu!*” (173), chính là *lời văn* trong *Truyện Kiều*:

Linh lời nàng mới theo sang, / *Biết đâu địa ngục thiên đàng là đâu* (180).

PGS.TS Nguyễn Tri Niên khi hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho một sinh viên, thấy khóa luận viết quá tốt đã ghi ngay lời khen tâm đắc vào trang đầu khóa luận bằng cách lấy một câu *Kiều*: *Nỗi mừng biết lấy chi cân!* (286).

Thầy giáo Lê Văn Khởi, năm 1978, lúc đang là giảng viên khoa Văn, ĐHSP Vinh, một buổi sáng trời lạnh, thấy đồng nghiệp ngồi co ro trên giường đọc sách, thầy bật lên câu *Kiều* thay lời chào buổi sáng: Sao *Buồng văn hơi giá như đồng* (54) thế này! Tôi hiểu ý và đi pha trà. Nếu so sánh với câu *Ở đây âm khí nặng nề* nói trên thì sẽ thấy câu trên nặng về cái lạnh u ám còn câu dưới cũng lạnh nhưng thiên về sự thân mật, sang trọng.

Cả một lớp sinh viên gặp mặt kỷ niệm 40 năm tốt nghiệp, tuổi mỗi người đã U60, gặp nhau mừng mừng, tủi tủi, thấy ai cũng đã hằn lên vết thời gian nhưng không ai nở nói ra mà vẫn ngó nghiêng nhìn ngắm khen: “*Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra*” (284), rồi để cho sự nhìn ngắm ấy có vẻ *thật* hơn nên thêm: “Ừ nhỉ, hơn bốn chục năm rồi cũng *Mười phần xuân có gầy ba bốn phần*” (286). Ai cũng thích (nhất là quý bà).

Đặc biệt, đúng dịp kỷ niệm 250 năm Ngày sinh Nguyễn Du, ở bên kia cách nửa vòng trái đất, trong buổi tiệc tiếp Tổng Bí thư Việt Nam Nguyễn Phú Trọng (7/2015), Phó Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden “lấy” một câu *Kiều*:

Trời còn để có hôm nay/ Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời (299)

Câu nói không thể nào phù hợp hơn trong bối cảnh Việt Nam và Hoa Kỳ kỷ niệm 20 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (1995 - 2015). Người Việt Nam nghe câu nói ấy chắc chắn ai cũng vừa ngạc nhiên vì sao lại có một quan chức lớn Phương Tây mà “vận” được *lời nói* hợp cảnh, hợp tình trong một không gian, thời điểm đến thế, vừa tự hào rằng có lẽ Nguyễn Du là nhà thơ *duy nhất* có thơ được con cháu sau 250 năm đọc lên tận nước Mỹ! Theo chỗ tôi biết thì trên thế giới chưa có tác phẩm của tác giả nào có được vinh hạnh ấy!

2.4. Lời văn thành *lời nói* trong bối cảnh giao

tiếp tình yêu

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du miêu tả bao nhiêu mối tình, bao nhiêu cấp độ tình cảm và hết sức đa dạng về cảnh ngộ. Mỗi một tình yêu tác giả đều dành những câu thơ miêu tả khác nhau, đặc biệt là hai mối tình *Kiều - Kim* và *Kiều - Thúc*. Ngoài những câu thơ đẹp đến khuôn mẫu, mượt mà của *lời văn* đã có rất nhiều câu được chuyển thành *lời nói*. Có thể nhắc đến các trường hợp:

- *Lời nói* trong thời khắc tỏ tình: nhiều cặp yêu nhau, để cho lời tỏ tình thêm “văn hoa” (nhất là con trai) thường xen vào lời nói ấy những *lời nói* *Kiều*: “Trông em lúc này đẹp quá! Cứ như cô *Thúy Kiều Tình trong như đã, mặt ngoài còn e* (46) ấy!”. Có khi giả vờ “thả” lơ lửng một câu trước bạn gái: *Người đâu gặp gỡ làm chi/ Trăm năm biết có duyên gì hay không?* (48), ... Khi đã gặp, đã tìm hiểu nhau rồi, bạn trai có tỏ ra sốt ruột vì sự cặn kẽ của bạn gái thì cô ấy sẽ dùng *Kiều* để “bào chữa”: “*Thì Trăm năm tính cuộc vương tròn/ Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông* (144) chứ sao vội được anh?”. Nếu biết địa chỉ nhà người yêu hơi xa thì người con trai có thể tỏ ra hùng hồn (!): “*Đường xa chớ ngại Ngô Lào*” (146).

- *Lời nói* khi tình yêu chớm nở: Lúc ngồi tâm sự, chàng và nàng ngược nhìn lên bầu trời có vàng trăng thu, mượn *Kiều* nói với nhau lời có thực mà ý nhị: *Bây giờ rõ mặt đôi ta* (70) để cùng nhau hẹn ước *Trăng thề còn đó tro tro, Dám xa xôi mặt mà thua thốt lòng* (78). Nếu có tặng quà tình yêu cho nhau thì cũng “nói” với nhau bằng *lời nói*: “Anh tặng em *Của tin gọi một chút này làm ghi*”. Trong những lúc ấy, nếu lỡ quá say tình mà có “hành vi” hơi quá chút, bạn gái có thể ngăn cản tế nhị: “Em giữ là giữ cho anh, cho tình yêu chúng mình bởi *Chữ trinh đáng giá ngàn vàng* chứ em có tiếc gì anh đâu!”. Nếu tình yêu gặp trắc trở, bạn gái có thể thốt lên lời tự trách *Vì ta khăng khít cho người dở dang*. Nếu vì một lý do gì đó phải xa nhau, họ cũng dặn nhau “Em/anh nhớ *Gìn vàng giữ ngọc cho hay/ Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời* (78) nhé! ...

- Cũng vì lý do nào đó không đến được với nhau, để lại trong nhau kỷ niệm đẹp và tôn trọng tình yêu, hoàn toàn có thể bày tỏ sự luyến tiếc: “Anh/ em không muốn thế vì *Dở dang nào có hay gì* (286) nhưng anh/ em cũng biết đấy, nếu chúng mình cứ kéo dài tình cảnh thế này thì tội cho anh/ em quá, *Yêu nhau thì lại bằng*

mười phụ nhau (296) anh/ em ơi”!,... Ủy mị hơn một chút thì (thường là bạn gái), cuối buổi chia tay tình yêu, trong cơn sứt sùi, vật vã đau đớn cũng có thể mượn *Kiều* để thốt lên lòng mình: “Trời ơi! Thế là hết! *Thôi thôi thiếp* (em) *đã phụ chàng từ đây*” (96) hoặc “*Nợ tình chưa trả cho ai, Khố tình mang xuống tuyền đài chưa tan* (92) *đấy anh ơi!*”, ... Nghĩa là muôn vàn cung bậc cảm xúc được bộc lộ ẩn tượng.

Ở bình diện này, cũng hoàn toàn có thể nhắc tới những câu *lời nói* trong *Truyện Kiều* để đưa vào các hoàn cảnh giao tiếp cụ thể khác: *Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha* (60), *Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều* (56), *Trông theo nào thấy đâu nào* (50), *Được lời như cởi tấm lòng* (62), *Còn non, còn nước, còn dài* (80), *Những là rày ước mai ao* (288), *Ăn năn thì sự đã rồi/ Nể lòng người cũ vâng lời một phen* (300),...

3. Kết luận

Chỉ xét riêng về mặt ngôn ngữ, *Truyện Kiều* đã có biết bao công trình bàn đến (trực tiếp hoặc một phần) và hầu hết những công trình ấy đều thống nhất nhận định: *Nguyễn Du là bậc thầy ngôn ngữ dân tộc*. Nguyễn Khánh Toàn so sánh Nguyễn Du với A.X. Pushkin về mặt đóng góp cho sự phát triển ngôn ngữ dân tộc [7]; Đặng Thai Mai cho rằng *Truyện Kiều* chỉ kém *Kinh Thánh* về sự chinh phục lòng tin độc giả [8]; Nguyễn Lộc khẳng định: “vấn đề duy nhất không có mấy ý kiến trái ngược (...) là những thành tựu về ngôn ngữ” [9],... Các ý kiến khác của Phạm Quỳnh, Đào Nguyên Phổ, Đào Thản, ... nhìn chung đều thống nhất đánh giá cao vấn đề ngôn ngữ trong *Truyện Kiều*. Nói đến ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* là phải nói đến sự phát triển, nâng cao tiếng Việt của Nguyễn Du, được tiếp nối từ ca dao, thơ Nôm Nguyễn Trãi, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Công Trứ... nhưng chỉ đến Nguyễn Du, vị thế tiếng Việt mới hoàn hảo, đủ sức đứng vững trước sự lấn át của tiếng Hán (*Truyện Kiều* chỉ có 1.310 từ Hán/ 3.412 từ), sự thách thức của tiếng Pháp. Rất ít quốc gia nào cùng cảnh ngộ như Việt Nam làm được. Đây cũng là lý do Chế Lan Viên khẳng định: “*Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn*”. Tuy nhiên, đi sâu vào vấn đề *lời nói* như bài viết này của chúng tôi thì chưa thấy đề cập. Chắc rằng phải tiếp tục khảo sát kỹ hơn nữa bình diện này để góp phần khẳng định tài năng và sự đóng góp của Nguyễn Du. Nhưng tài năng Nguyễn Du có phải chỉ

là bẩm sinh siêu việt không? Câu trả lời là *không!* Nếu không có những ngày cả gia đình Nguyễn Du “đều là sa sút khó khăn” khi Thái Bình, lúc Hà Tĩnh sống giữa lòng những người bình dân nơi thôn dã, thắm lời ăn tiếng nói của họ và cao hơn, một *ý thức* nghiêm túc học hỏi (“*Thôn ca sơ học tang ma ngữ*”)³ thì không thể có những từ, những câu gần gũi và điêu luyện như trong *Truyện Kiều*. Đó chính là bài học lớn xuyên suốt mọi thời đại dành cho các nghệ sĩ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Du (2000), *Truyện Kiều*, Dựa theo bản của Bùi Ki và Trần Trọng Kim hiệu khảo, NXB Đồng Nai.
- [2] Nguyễn Du (2002), *Truyện Kiều*, Bản Nôm cổ nhất, Liễu Văn đường 1871, Nguyễn Quang Tuân phiên âm và khảo dị, NXB Văn học và Trung tâm nghiên cứu quốc học.
- [3] Xuân Diệu (2012), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4] Trần Thái Học (2014), *Văn chương và tiếp nhận*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Khắc Sính (2015), *Phong cách văn học và Tiếp nhận văn chương*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Khắc Sính (2009), *Lý luận văn học*, NXB Lao động
- [7] Nguyễn Khánh Toàn (1971), *Sách Kỷ niệm 200 năm Nguyễn Du*, NXB KHXH (in lần thứ hai).
- [8] Đặng Thai Mai (1955), *Đặc sắc của văn học cổ điển Việt Nam*, Tập san ĐHSP Hà Nội
- [9] Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỷ XIII- hết thế kỷ XIX)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

³(Câu hát nơi làng quê cho ta biết tiếng nói của nghề trồng dâu, trồng gai)

**THE TRANSFORMATION OF LITERARY LANGUAGE INTO SPEECH IN “THE TALE OF KIEU”
BY NGUYEN DU**

Abstract: One principle of creating literary texts is to transform speech (daily communicative spoken forms) into literary sentences. This transformation is by nature difficult, for it depends on a lot of elements. Once the literary sentences have been formed, the writer desires to make them become speech (with an elevated style) to be blended easily into daily human communication; however, few writer have succeeded in doing this. According to the pattern of epistemology in V.Lénin's view, the cycle is: literary sentences - speech - elevated speech . In “*The Tale of Kieu*”, Nguyen Du was able to transform numerous sentences into elevated speech. This proves that Nguyen Du's special talent is outstandingly distinctive not only in Viet Nam but also in the world.

Key words: Nguyen Du; *The Tale of Kieu*; speech; literary sentences; language